

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2018

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Xuân Thanh;

Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại **trụ sở tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018** và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp X, xã G, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp X, xã G, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- chị Tạ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị T và anh Nguyễn Văn A là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18-3-2009** tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không hợp tính tình, anh A thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện cãi vã,

đánh đập chị T, nhưng do không gây thương tích gì nặng nên chị T không có báo chính quyền địa phương. Chị T và anh A sống ly thân từ ngày 01-01-2018 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

- Về con chung: Chị T và anh A có 02 người con chung tên Nguyễn Dương Anh N, sinh ngày 08-12-2008 (nam); Nguyễn Dương Thanh V, sinh ngày 25-8-2013 (nữ). Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn – Anh Nguyễn Văn A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nhưng anh A không tham gia phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt anh A.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành tốt những qui định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội qui phiên tòa. Đối với bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tạ Thị T, chị T được quyền ly hôn với anh A. Về con chung: Giao hai con chung cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn A vắng mặt, nhưng Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tổng đạt để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: **Chị T và anh A là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18-3-2009 tại**

Ủy ban nhân dân xã xã G. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Xét thấy, lời trình bày của chị T thì mâu thuẫn giữa chị T và anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành xác minh người thân trong gia đình anh A thì anh A đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng ý ly hôn nhưng do anh A mới xin được việc làm nên không xin nghỉ để tham gia phiên tòa. Anh A không tham gia phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh A có 02 người con chung tên Nguyễn Nguyễn Dương Anh N, sinh ngày 08-12-2008 (nam); Nguyễn Dương Thanh V, sinh ngày 25-8-2013 (nữ) do chị T đang nuôi dưỡng. Do đó, cần giao hai con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị T và anh A không có yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung: Giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Nguyễn Dương Anh N, sinh ngày 08-12-2008 (nam); Nguyễn Dương Thanh V, sinh ngày 25-8-2013 (nữ). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0021241 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn A không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Giang;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN VĂN ĐOÀN